

Bản án số: 888/2019/DS-PT
Ngày: 10/10/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
nhượng quyền canh tác nuôi
trồng thủy sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Thanh Vân
2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 380/DSPT ngày 12/8/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng nhượng quyền canh tác đầm nuôi trồng thủy sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị và bị đơn – ông Lê Văn H kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3977/2019/QĐPT-DS ngày 03/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7557/2019/QĐPT ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1950

Cư trú: 817 đường Q, phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Văn Q - Đại diện theo ủy quyền (Có mặt).

Địa chỉ: 65 đường Nguyễn Tất R, phường T, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn A – Luật sư, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (Có mặt).

Địa chỉ: 23/84 đường U, quận I, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1971

Cư trú: số 203 KP S, thị trấn D, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn X – Đại diện theo ủy quyền (Có mặt).

Địa chỉ: 28/2B, Đường G, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1977 (Có mặt).

Cư trú: số 203 khu phố S, thị trấn D, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Võ Thị D, sinh năm sinh năm 1950 (Vắng mặt).

Cư trú: 817 đường Q, phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ban quản lý rừng phòng hộ huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: 1541 đường K, xã An L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Văn T – Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 735/GUQ-BQL ngày 13/9/2019).

Người làm chứng:

1. Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1969 (Có mặt)

Cư trú: tổ 11, ấp X, xã C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Bùi Anh T, sinh năm 1958 (Có mặt).

Cư trú: 518/2 Kp V, thị trấn D, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1946 (Vắng mặt).

Cư trú: 502/11/35 đường Q, Khu phố B, phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của người đại diện hợp pháp nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Ngày 26/01/2015, ông Lê Văn H và ông Trần Văn T có lập hợp đồng viết tay chuyển nhượng quyền canh tác đầm nuôi trồng thủy sản và ruộng muối với tổng diện tích là 240 ha kể cả bờ bao tại tiểu khu 22, thuộc rừng phòng hộ thuộc huyện C, TP. Hồ Chí Minh. Trong hợp đồng chuyển nhượng thể hiện có 06 đầm và ruộng muối, gồm: đầm Nầm Bép 28 ha, đầm Lò Than 02 ha, đầm Cá Ngát 06 ha, đầm Cá Heo 12 ha, đầm Nổi 1 là 1,2 ha, đầm Nổi 2 là 1,5 ha, ruộng muối 03

ha và bờ bao, bãi bồi tính tổng diện tích là 240 ha, với số tiền chuyển nhượng 1.820.000.000 (một tỷ tám trăm hai mươi triệu) đồng. Ông H và bà M (vợ ông H) đã ký nhận đủ số tiền theo nội dung hợp đồng nhưng không thực hiện đúng cam kết giao toàn bộ phần diện tích mặt nước, đầm sản xuất và quyền canh tác nuôi trồng thủy sản cho ông Trần Văn T.

Ngoài ra, trong năm 2015 vợ chồng ông H còn ký một hợp đồng khác nhượng quyền canh tác các đầm nuôi trồng thủy sản tại Tiểu khu 2, rừng phòng hộ huyện C, TP. Hồ Chí Minh. Tổng diện tích chuyển nhượng là 35 ha (kể cả bờ bao, bãi bồi) với tổng số tiền chuyển nhượng là 1.050.000.000 (một tỷ không trăm năm mươi triệu) đồng. Phía ông H cũng đã nhận đủ tiền. Ông H có viết cam kết đến tháng 6/2016 sẽ hoàn tất việc bàn giao đầm cũng như quyền canh tác sản xuất. Tuy nhiên, đến hạn ông H không thực hiện đúng cam kết, ông T làm đơn khiếu nại gửi chính quyền địa phương thì vợ chồng ông H mới bàn giao diện tích sản xuất mặt nước cho ông T, nhưng chỉ giao tại Tiểu khu 21 được 27,5 ha còn nợ lại 7,5 ha, phần còn lại tại Tiểu khu 22 đến nay tất cả các đầm vẫn chưa giao.

Đối với diện tích các đầm, ruộng muối đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền canh tác tại Tiểu khu 22, ông T yêu cầu Tòa án buộc ông H phải bàn giao diện tích là 240 ha theo hợp đồng đã ký như nêu trên.

Đối với phần diện tích 7,5 ha tại Tiểu khu 21 mà ông H đã giao còn thiếu giá trị tạm tính là 225.000.000 (hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng, hiện tại do diện tích mặt nước cây rừng (cây đước) đã mọc kín, không còn đất trống để giao nên ông T yêu cầu ông H phải trả 225.000.000 (hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất Ngân hàng từ thời điểm ký hợp đồng cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối diện tích tại tiểu khu 21, diện tích 7,5 ha.

Bị đơn – ông Lê Văn H và người đại diện hợp pháp của ông H trình bày trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Ông Lê Văn H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T vì ông H đã thực hiện đúng hợp đồng giao các phần đầm, đập và ruộng muối tại Tiểu khu 22. Ông T đã nhận đủ và đã kê khai cập nhật trên danh sách Công ty và Rừng phòng hộ.

Đối với diện tích đầm, đập mà các bên đã ký hợp đồng chuyển nhượng thuộc tiểu khu 21 còn lại 7,5 ha ông H chưa giao cho ông T thì ông H yêu cầu ông T phải nhận vì hiện tại các đầm vẫn còn sử dụng được. Trường hợp ông T không đồng ý thì ông H yêu cầu ông T giao trả lại toàn bộ những đầm mà ông H đã bàn giao cho ông T tại Tiểu khu 21 và 22 trước đây cùng hồ sơ gốc và quyền

khai thác sản xuất. Ông H sẽ trả lại ông T số tiền là 14.130.000.000 (mười bốn tỷ một trăm ba mươi triệu) đồng, thời gian trả tiền là 03 năm.

Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị M (vợ ông H) trình bày:

Bà có biết chồng bà là ông Lê Văn H ký hợp đồng chuyển nhượng (nhượng quyền canh tác) ruộng muối, đầm nuôi trồng thủy sản cho ông Trần Văn T tại khu vực Tiểu khu 21 và 22 thuộc rừng phòng hộ huyện C, Tp. Hồ Chí Minh. Bà thừa nhận có kí tên xác nhận vào giấy cam kết đã nhận đủ tiền của ông T, nhưng mọi giao dịch là do chồng bà thực hiện nên bà không ý kiến. Mọi phát sinh tranh chấp do chồng bà đứng ra giải quyết với ông T bản thân bà không có ý kiến gì khác.

2. Bà Võ Thị D (vợ ông T) trình bày:

Tất cả việc giao dịch nhượng quyền canh tác ruộng muối và đầm nuôi trồng thủy sản giữa ông T với ông H là tiền của ông T bỏ ra. Bà D không có liên quan nên mọi việc giải quyết tranh chấp do ông Trần Văn T quyết định bà không có ý kiến.

3. Người đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý Rừng phòng hộ huyện C trình bày:

3.1 Ông Lê Đình L trình bày: Trước năm 2000, các mô hình sản xuất của các hộ dân trong rừng phòng hộ huyện C, Tp. Hồ Chí Minh là do tự phát và không đăng ký. Đến năm 2000, rừng được Ban quản lý rừng phòng hộ Thành phố Hồ Chí Minh chuyển giao cho Ủy ban nhân dân huyện C quản lý. Từ đó, Ủy ban nhân dân huyện C thành lập ban quản lý rừng phòng hộ huyện C cho đến nay. Các mô hình sản xuất ruộng muối, nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng theo quy định pháp luật là không cấm, tuy nhiên trong quá trình sản xuất không được làm ảnh hưởng đến tài nguyên thiên nhiên của rừng ngập mặn.

Liên quan đến quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 07/03/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C thì Ban quản lý rừng phòng hộ không nhận được đơn xin sửa chữa, bồi thổ của Ông Trần Văn T hay ông Lê Văn H đối với các đập, đầm và ruộng muối. Theo khảo sát thực tế thì hiện nay ruộng muối và các đập đầm không còn nguyên vẹn do mặt đập bị bể, có một số đầm, ruộng muối cây rừng mọc lên nhiều không còn canh tác được. Ban quản lý rừng phòng hộ huyện C yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3.2 Ông Nguyễn Ý T - quyền trưởng phân khu 6 trình bày: Các loại đầm, đập và ruộng muối nằm xen kẽ trong phân khu 6 (có các Tiểu khu 18, 21 và 22) thuộc rừng phòng hộ huyện C, Tp. Hồ Chí Minh có từ lâu đời. Do người dân tự

sản xuất, canh tác, nhưng phải tuân thủ theo quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 7/3/2012, của Ủy ban nhân dân huyện C (nếu có sửa chữa, gia cố có liên quan đến các đập, đầm và ruộng muối phải xin ý kiến). Đến năm 2006, quyết định số 03/2012/QĐ-UBND được bãi bỏ và không ban hành quyết định khác thay thế. Từ thời điểm đó đến nay những người dân có nguồn gốc sản xuất và canh tác nuôi trồng thủy sản từ trước năm 2006 vẫn tiếp tục canh tác sản xuất nhưng không được phép làm ảnh hưởng đến tài nguyên rừng. Các hộ dân chuyển nhượng quyền canh tác nuôi trồng thủy sản và ruộng muối là do họ tự thỏa thuận với nhau. Phân khu 6 luôn tạo điều kiện cho những người sản xuất mặt nước và chỉ quản lí, kiểm tra giám sát trong quá trình họ canh tác để tránh trường hợp xâm phạm đến cây rừng cũng như tài nguyên rừng...Việc chuyển nhượng quyền canh tác của các bên trong vụ tranh chấp này Phân khu 6 không nắm rõ nhưng theo thẩm quyền quản lý thì ông xác định trong 240 ha gồm cả diện tích mặt nước các đầm, đập bờ bao, bãi bồi và ruộng muối, cụ thể trong đó bao gồm: đầm Năm Bép khoảng 28ha, đầm Lò Than 02 ha, đầm Cá Ngát 06 ha, đầm Cá Heo 12 ha, đầm Nổi 1 là 1,2 ha, đầm Nổi 2 là 1,5 ha và ruộng muối 03 ha, còn đối với tên gọi đập Vàm Năm Bép là đầu vàm ngã ba con sông Dinh Bà, từ trước đến nay không ai sử dụng đập Vàm này để canh tác.

Ý kiến của những người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Đình L trình bày:

Ông nhượng quyền canh tác mặt nước cho ông Lê Văn H tại Tiểu khu 22 rừng phòng hộ huyện C, Tp. Hồ Chí Minh, bao gồm các đầm: Năm Bép, Nổi 1, Nổi 2, Cá Ngát, đầm Lò Than, đầm Cá heo, ruộng muối,... Thời gian trước đây, ông là nguyên phó giám đốc công ty sản xuất kinh doanh thủy sản thuộc Công ty M đóng tại huyện C và là người trực tiếp khai thác mặt nước tại Tiểu khu 21 và 22 nên ông xác định phần diện tích đầm Năm Bép nằm trong phần diện tích 240 ha của Tiểu khu 22 rừng phòng hộ huyện C, Tp. Hồ Chí Minh. Việc chuyển nhượng quyền canh tác của ông cho Ông H đã được thanh toán đủ tiền và ông đã giao xong phần diện tích mặt nước canh tác nên ông không có ý kiến gì khác.

1. Bà Võ Thị Kim L trình bày:

Bà L xác định có quen biết với ông Trần Văn T, bà có giới thiệu cho ông Lê Văn H biết ông T để chuyển nhượng quyền canh tác đối với ruộng muối và các đầm nuôi trồng thủy sản tại Tiểu khu 21 và 22 thuộc rừng phòng hộ huyện C, Tp. Hồ Chí Minh. Bà L chỉ cho Ông H biết nhà ông T để ông tự đến và liên hệ giao dịch mua bán. Việc mua bán giữa ông T và ông H như thế nào bà hoàn toàn không biết và bà cũng không nhận tiền môi giới hay bất kỳ khoản tiền nào khác từ ông H, ông T.

3. Ông Bùi Anh T trình bày: Ông nguyên là cán bộ Ban quản lý Tiểu khu 18, 21 và 22 rừng phòng hộ huyện C, Tp. Hồ Chí Minh nên ông biết rõ các loại đầm đập và ruộng muối trong tiểu khu 22. Tại Tiểu khu 22 ông xác định có tổng diện tích là 240 ha (bao gồm cả bờ bao và bãi bồi) trong diện tích này có các loại đầm như: đầm Năm Bếp, đầm Cá Ngát, đầm Cá Heo, đầm Nổi 1, đầm Nổi 2 và ruộng muối.... Trong đó, duy nhất đầm Năm Bếp còn đang sử dụng được do ông H canh tác và sản xuất; còn lại các đầm đập khác đã bị bờ bao thành sông và cây rừng mọc kín không thể canh tác. Theo vị trí và tên gọi dân gian từ trước đến nay đầm Năm Bếp nằm trong diện tích 240 ha tại Tiểu khu 22, còn đập Vàm Năm Bếp nằm ngoài diện tích trên vì nó là tên gọi của ngã ba con sông Dinh Bà nên không canh tác sản xuất được. Ông xác định tên gọi vàm đầm Năm Bếp thật ra bản chất là đầm Năm Bếp vì đó là tên gọi dân gian trước đây do đầm Năm Bếp nằm cập con sông Dinh Bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS -ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử (tóm tắt):

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ông Trần Văn T:

Công nhận cho tiếp tục thực hiện giao dịch nhượng quyền canh tác theo hợp đồng viết tay ngày 26/1/2015 giữa ông Trần Văn T và ông Lê Văn H.

Buộc ông Lê Văn H và vợ là Bà Trần Thị M phải tiếp tục thực hiện hợp đồng giao dịch viết tay ngày 26/1/2015 và có nghĩa vụ giao cho Ông Trần Văn T diện tích nhượng quyền canh tác mặt nước, ao đầm, đập, ruộng muối, với tổng diện tích là 240 ha kể cả bờ ao, bãi bồi (trong đó gồm: đầm Năm Bếp 28 ha, đầm Lò Than 02 ha, đầm Cá Ngát 06 ha, đầm Cá Heo 12 ha, đầm Nổi 1 là 1,2 ha, đầm Nổi 2 là 1,5 ha, và ruộng muối 03 ha và bờ bao, bãi bồi) tại Phân khu 6, Tiểu khu 22, rừng phòng hộ huyện C, Tp. Hồ Chí Minh (kèm bản đồ vị trí).

Sau khi tiếp nhận nguyên đơn có nghĩa vụ đăng ký với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện C, Tp. Hồ Chí Minh về việc thực hiện sử dụng, canh tác diện tích mặt nước tại các ao đầm, đập và ruộng muối được giao theo bản án, có nghĩa vụ chấp hành mọi quy định có liên quan đến công tác quản lý rừng phòng hộ của Nhà nước, và nộp các khoản phí lệ phí theo quy định nếu có. Đối với các diện tích mặt nước tại các ao đầm, đập nào đã bị bể thành sông, cây rừng cây được, cỏ dại đã mọc kín không còn sản xuất được thì nguyên đơn có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ kiểm tra, thống kê lại toàn bộ để có phương án xử lý, giao trả phù hợp theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp không còn nhu cầu tiếp tục canh tác, sản xuất đối với các diện tích mặt nước còn lại, thì Ông Trần Văn T có trách nhiệm liên hệ với Ban quản lý rừng phòng hộ của Ủy ban nhân dân huyện C để bàn giao và hưởng

công sức thành quả đầu tư theo quy định mà không được chuyển nhượng cho người khác.

2. Đình chỉ yêu cầu của Ông Trần Văn T về việc đề nghị Toà án buộc ông Lê Văn H và Bà Trần Thị M giao trả quyền canh tác diện tích mặt nước 7,5 ha tại Tiểu khu 21 vì nguyên đơn rút yêu cầu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự:

Ngày 04/07/2019, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng bản án sơ thẩm buộc bị đơn giao cho nguyên đơn đầm Năm Bếp với diện tích mặt nước khoảng 28 ha và khoanh bao khoảng 60 ha trong khi bị đơn không bán cho nguyên đơn đầm trên. Mặt khác, đầm Năm Bếp này không phải của bị đơn làm chủ một mình mà có ông Trần Văn D và ông Nguyễn Duy P cùng hùn vốn với ông mua đầm này của ông Nguyễn Đình L. Hiện ông và những người cùng mua đầm để nuôi trồng thủy sản từ ngày 24/04/2013 vẫn đang canh tác và cập nhật thường xuyên vào sổ bộ khai thác nuôi trồng thủy sản trong tán rừng của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện C.

- Tại Quyết định kháng nghị số 37/QĐKNPT- VKS-DS ngày 27/7/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 27/8/2019, vì các lý do sau:

Tại hợp đồng chuyển nhượng đầm nuôi tôm ngày 24/04/2013, diện tích đầm Năm Bếp 28 ha được ông Nguyễn Đình L chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn H, ông Nguyễn Duy P, ông Trần Văn D, ông Trần Tiến B. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện C tuyên buộc ông Lê Văn H phải giao diện tích chuyển nhượng quyền canh tác mặt nước ao đầm, đập và ruộng muối với tổng diện tích là 240 ha kể cả bờ bao, bãi bồi trong đó có đầm Năm Bếp 28 ha mà không đưa ông Nguyễn Duy P, ông Trần Văn D, ông Trần Tiến B vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm kháng nghị. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày nội dung kháng cáo:

Bản án sơ thẩm buộc bị đơn giao cho nguyên đơn đầm Năm Bếp với diện tích mặt nước khoảng 28 ha và khoanh bao khoảng 60 ha trong khi bị đơn không bán cho nguyên đơn đầm trên. Mặt khác, đầm Năm Bếp này không phải của bị

đơn làm chủ một mình mà có ông Trần Văn D, ông Trần Tiến B và ông Nguyễn Duy P cùng hùn vốn với Ông H mua đầm này của ông Nguyễn Đình L. Sau đó, ông B đã nhượng lại phần hùn. Hiện bị đơn và ông D, ông P vẫn đang canh tác và cập nhật thường xuyên vào sổ bộ khai thác nuôi trồng thủy sản trong tán rừng của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện C. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- Nguyên đơn không kháng cáo, Luật sư và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền Ban quản lý rừng phòng hộ huyện C: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện C không kháng cáo nhưng đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy bản án sơ thẩm.

- Ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh:

Bản án số 04/2019/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện C tuyên công nhận cho tiếp tục thực hiện giao dịch nhượng quyền canh tác mặt nước, ao đầm, đập, ruộng muối, kể cả bờ bao, bãi bồi tại Tiểu khu 22 Rừng phòng hộ C giữa ông Trần Văn T với ông Lê Văn H không có cơ sở pháp lý vì ông H không phải là chủ sở hữu phần diện tích đất nêu trên, mà Ban quản lý Rừng phòng hộ huyện C là chủ rừng được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích này. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ tổ chức cá nhân trong việc quản lý và phát triển rừng, cũng như sản xuất nuôi trồng thủy sản trong rừng phòng hộ, Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và hủy các giao dịch chuyển nhượng giữa ông Lê Văn H và ông Trần Văn T, bà Võ Thị D. Đồng thời, đưa Ủy ban nhân dân huyện C tham gia tố tụng với tư cách là đơn vị, tổ chức có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với các vụ việc chuyển nhượng đầm, đập tại Tiểu khu 21,22 của các đương sự.

- Ý kiến trình bày của ông Trần Văn D: Đầm Năm Bếp là do Ông H, ông P, ông D và ông B hùn mua của ông L. Sau đó, ông B đã nhượng lại phần hùn hiện còn ông H, ông P, ông D đang quản lý, canh tác trên diện tích đầm này. Ông H, ông P và ông D không chuyển nhượng đầm Năm Bếp cho ông T nhưng cấp sơ thẩm buộc Ông H giao đầm này cho ông T mà không đưa ông D, ông P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, ông D. Ông đề nghị được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phần tranh luận:

- Ý kiến tranh luận của người đại diện hợp pháp bị đơn: Việc phía ông T cho rằng ông H có chuyển nhượng cho ông T đầm Năm Bếp là không có cơ sở, vì Hợp đồng chuyển nhượng đất đầm nuôi trồng thủy sản ngày 26/01/2015 giữa ông H và ông T chỉ chuyển nhượng tổng cộng là 240 ha, không có đầm Năm Bếp và tại cam kết của ông H ngày 30/8/2015 cũng cam kết giao đủ diện tích đầm 240 ha không có đầm Năm Bếp. Bản án sơ thẩm buộc ông H giao cho ông T Đầm Năm Bếp với diện tích mặt nước khoảng 28 ha và khoanh bao khoảng 60 ha trong khi ông H không bán cho nguyên đơn đầm trên và không đưa những người cùng hùn vốn với ông H mua đầm Năm Bếp vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Phản bác ý kiến tranh luận của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập và đưa ông L, ông P, ông B vào tham gia tố tụng vì tại bản án sơ thẩm đã nhận định những ông này không liên quan nên không đưa vào tham gia tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

-Ý kiến tranh luận của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Kháng nghị của Viện kiểm sát chỉ liên quan đến đầm Năm Bếp diện tích 28 ha nhưng tại Hợp đồng chuyển nhượng ngày 24/4/2013, chỉ có ông H và ông B ký, không có ông D và ông P nên không cần thiết phải đưa ông D và ông P vào tham gia tố tụng. Cấp sơ thẩm cũng đã có giấy triệu tập đưa ông P, ông D, ông B vào tham gia tố tụng hai lần (có thư chuyển báo phát) nhưng những ông này không đến Tòa làm việc nên Tòa án cấp sơ thẩm mới đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không có cơ sở.

Nội dung kháng cáo của ông H cho rằng ông H không chuyển nhượng đầm Năm Bếp cho ông T: Nguồn gốc đầm này Xí nghiệp A khai thác từ năm 1988, đến năm 1998 Xí nghiệp A chuyển nhượng cho Công ty M II – Bộ Thủy Lợi (có xác nhận của Bộ Thủy Lợi). Năm 2000, Công ty M II chuyển nhượng lại cho ông L. Đến ngày 24/4/2013, ông L chuyển nhượng cho ông H và ông B 28 ha đầm Năm Bếp. Ngày 04/02/2015, ông L chuyển nhượng các đầm còn lại cho ông H. Sau đó, ông H chuyển nhượng toàn bộ diện tích các đầm trên cho ông T. Đầm Năm Bếp nằm trong tiểu khu 22. Người làm chứng là ông T trước đây làm ở Ban quản lý rừng phòng hộ có lời khai khẳng định đầm Vàm Năm Bếp và đầm Năm Bếp là một và thuộc tiểu khu 22. Sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Rừng phòng hộ huyện C nhưng do lịch sử để lại nên vẫn cho phép các hộ dân tiếp tục sản xuất. Vì vậy,

giữa nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng nhượng quyền canh tác là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-Ý kiến tranh luận của người đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ huyện C: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện C không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh và kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo nội dung kháng nghị.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án phúc thẩm; tổng đạt giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị D có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà D. Đối với người làm chứng là ông Nguyễn Đình L vắng mặt. Xét thấy tại cấp sơ thẩm ông L đã có lời khai và việc ông L vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông L.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 27/6/2019, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về tố tụng:

[2.1]. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn H và vợ là Bà Trần Thị M bàn giao cho nguyên đơn và vợ là bà Võ Thị D tổng diện tích mặt nước, ao đầm, đập, ruộng muối là 240 ha kể cả bờ ao, bãi bồi (trong đó gồm: đầm Năm Bép 28 ha, đầm Lò Than 02 ha, đầm Cá Ngát 06 ha, đầm Cá Heo 12 ha, đầm Nổi 1 là 1,2 ha, đầm Nổi 2 là 1,5 ha, ruộng muối 03 ha và bờ bao, bãi bồi) tại Phân khu 6, Tiểu khu 22, rừng phòng hộ huyện C, Tp. Hồ Chí Minh theo “Hợp đồng mua bán đất đầm nuôi trồng thủy sản” ngày 26/01/2015.

[2.2]. Tuy nhiên, theo hợp đồng chuyển nhượng đầm nuôi tôm ngày 24/04/2013, diện tích đầm Năm Bếp 28 ha được ông Nguyễn Đình L chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn H, ông Nguyễn Duy P, ông Trần Văn D, ông Trần Tiến B cùng các thiết bị đê bao dài khoảng 2.7 km; 2 cống betong; 1 nhà sinh hoạt 120m². Nhưng việc ông H kí hợp đồng chuyển nhượng đầm Năm Bếp cho ông T hồ sơ không thể hiện có ý kiến đồng ý của ông P, ông D và ông B.

[2.3]. Án sơ thẩm buộc ông H giao đầm Năm Bếp cho ông T nhưng không đưa ông P, ông D, ông B với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ có hay không việc ông H, ông P, ông B, ông D cùng hùn hạp nhận chuyển nhượng đầm Năm Bếp từ ông L; việc ông H chuyển nhượng đầm Năm Bếp cho ông T có sự đồng ý của ông P, ông D, ông B hay không mà đã buộc ông H giao đầm Năm Bếp là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D, ông P và ông B.

[2.4]. Sau khi có bản án sơ thẩm, ông P và ông D gửi đơn kiến nghị đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng đầm Năm Bếp là do ông H, ông P, ông D và ông B hùn mua của ông L. Ông H, ông P, ông D không chuyển nhượng đầm Năm Bếp cho ông T nhưng cấp sơ thẩm buộc ông H giao đầm này cho ông T mà không đưa ông D, ông P, ông B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, ông D. Ông P, ông D đề nghị được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.5]. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm và tại văn bản số 3275 ngày 26/07/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C kiến nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bản án số 04/2019/DS- ST của Tòa án nhân dân huyện C tuyên công nhận cho tiếp tục thực hiện giao dịch nhượng quyền canh tác mặt nước, ao đầm, đập, ruộng muối, kể cả bờ bao, bãi bồi tại Tiểu khu 22 Rừng phòng hộ huyện C giữa Ông Trần Văn T với ông Lê Văn H không có cơ sở pháp lý. Vì ông H không phải là chủ sử dụng hợp pháp phần diện tích đất nêu trên, mà Ban quản lý Rừng phòng hộ huyện C là chủ rừng được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích này, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CT25908, CT25924, CT25925, CT25927, CT25928, CT25929, CT25931, CT25933, CT25934, CT25389, CT25390, CT25391. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ tổ chức cá nhân trong việc quản lý và phát triển rừng, cũng như sản xuất nuôi thủy sản trong rừng phòng hộ, Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên và hủy các giao dịch chuyển nhượng giữa ông Lê Văn H và ông Trần Văn T, bà Võ Thị D. Đồng thời, đưa Ủy ban nhân dân huyện C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan đối với các vụ việc chuyển nhượng đầm, đập tại Tiểu khu 21,22 của các đương sự.

[2.6]. Căn cứ Điều 1 của Quyết định số 169/QĐ-UB-CNN ngày 7/1/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Ban quản lý rừng phòng hộ huyện C; Căn cứ Điều 1 Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện C, qui định: “Ban quản lý rừng phòng hộ huyện C là đơn vị sự nghiệp có thu, trực thuộc UBND huyện C, có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước... thực hiện nhiệm vụ do UBND huyện C giao...”. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện C yêu cầu được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở chấp nhận.

Về nội dung:

[2.7]. Từ những cơ sở đã phân tích trên, xét việc đưa ông P, ông D, ông B và Ủy ban nhân dân huyện C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cần thiết để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và việc giải quyết vụ án được triệt để.

[2.8]. Căn cứ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT25908, CT25924, CT25925, CT25927, CT25928, CT25929, CT25931, CT25933, CT25934, CT25389, CT25390, CT25391 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố cấp cho Ban quản lý rừng phòng hộ Huyện C thì toàn bộ đất, đầm tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Ban quản lý rừng phòng hộ Huyện C. Ông H không phải là chủ sử dụng hợp pháp đất nêu trên. Vì vậy, ông H không được quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đầm nuôi trồng thủy sản theo nội dung hợp đồng đã ký ngày 26/01/2015.

[2.9]. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn trình bày thực tế hai bên chỉ nhượng quyền canh tác chứ không phải chuyển nhượng đất đầm nuôi trồng thủy sản như ghi trên hình thức của hợp đồng. Vấn đề này khi giải quyết lại cấp sơ thẩm cần làm rõ đây là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hay là nhượng quyền canh tác. Trong trường hợp xác định là nhượng quyền canh tác thì cần làm rõ ông H có phải là chủ thể quyền bề mặt đối với các đầm trên không và việc ông H chuyển nhượng quyền bề mặt cho vợ chồng ông T có được sự đồng ý của chủ sử dụng đất hợp pháp là Ban quản lý rừng phòng hộ C hay không theo qui định tại Điều 271 Bộ luật dân sự năm 2015 và trong trường hợp xác định giao dịch vô hiệu thì giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu (nếu có yêu cầu).

[2.10]. Ngoài ra cấp sơ thẩm cần thu thập chứng cứ, cho các bên đối chất, làm rõ trong diện tích 240 ha ông H chuyển nhượng cho ông T có đầm Năm Bép diện tích 28 ha hay không vì ông H không thừa nhận và trong hợp đồng không ghi cụ thể.

[3]. Như vậy, những thiếu sót trên của cấp sơ thẩm là đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và về nội dung, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương bên đương sự và đảm bảo hai cấp xét xử, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm đưa thêm người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ làm rõ những vấn đề như đã phân tích nêu trên.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng cho ông Lê Văn H theo biên lai thu số AG/2011/06532 ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của bị đơn – ông Lê Văn H.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc “Tranh chấp hợp đồng nhượng quyền canh tác nuôi trồng thủy sản”, giữa nguyên đơn là Ông Trần Văn T với bị đơn là ông Lê Văn H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo trình tự thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn H số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AG/2011/06532 ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa